

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 13&14/5/2017

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
1	Trần Hải Việt Anh	22/12/1997	CNTT01	Liên Bảo - Tiên Du - Bắc Ninh	6,70	7,15	Đạt	
2	Leo Thị Anh	22/7/1995	CNTT02	Vô Tranh - Lục Nam - Bắc Giang	5,50	5,00	Đạt	
3	Lê Vân Anh	20/05/1997	CNTT03	Quỳnh Hải - Quỳnh Phụ - Thái Bình	7,20	5,00	Đạt	
4	Bùi Thị Lan Anh	14/12/1996	CNTT04	Xuân Giang - Quang Bình - Hà Giang	7,00	3,50	Không đạt	
5	Đặng Ngọc Anh	09/07/1996	CNTT05	Nam Hoa - Nam Trực - Nam Định	4,00	-	Không đạt	bỏ thi TH
6	Nguyễn Thị Lan Anh	08/3/1995	CNTT06	Lãng Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	4,50	2,50	Không đạt	
7	Phạm Thị Ngọc Ánh	23/10/1996	CNTT07	Hồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	8,00	6,00	Đạt	
8	Trần Văn Bản	03/07/1996	CNTT08	Hà Yên - Hà Trung - Thanh Hoá	4,20	-	Không đạt	bỏ thi TH
9	Triệu Văn Bảo	01/10/1978	CNTT09	Đồng Lạc - Yên Thế - Bắc Giang	6,70	5,00	Đạt	
10	Ninh Ngọc Cẩn	23/02/1986	CNTT10	Xuân Lương - Yên Thế - Bắc Giang	5,50	5,00	Đạt	
11	Phạm Vũ Minh Châu	14/4/1997	CNTT11	Khoái Châu - Hưng Yên	4,20	-	Không đạt	bỏ thi TH
12	Thắm Thị Chinh	03/3/1993	CNTT12	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	5,00	6,75	Đạt	
13	Trịnh Thành Công	26/08/1996	CNTT13	Yên Thế - Bắc Giang	5,00	6,30	Đạt	
14	Thân Thành Công	18/6/1996	CNTT14	P. Ngô Quyền - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	6,50	5,00	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
15	Trần Sĩ Cương	18/01/1996	CNTT15	Mai Đình - Sóc Sơn - Hà Nội	7,20	8,20	Đạt	
16	Thân Văn Cương	08/5/1979	CNTT16	Đông Khê - Đông Sơn - Yên Thế - Bắc Giang	5,50	5,00	Đạt	
17	Nguyễn Ngọc Cường	03/7/1996	CNTT17	Đức Thượng - Hoài Đức - Hà Nội	6,70	7,10	Đạt	
18	Phùng Văn Cường	12/4/1971	CNTT18	Hồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	5,70	5,00	Đạt	
19	Nông Quốc Cường	10/6/1996	CNTT19	Bắc Hợp - Nguyên Bình - Cao Bằng	3,50	-	Không đạt	bỏ thi TH
20	Bàn Mạnh Cường	27/01/1996	CNTT20	Tân Hòa - Bình Gia - Lạng Sơn	7,50	7,15	Đạt	
21	Nguyễn Thị Danh	16/01/1996	CNTT21	Thạch Khê - Thạch Hà - Hà Tĩnh	8,20	8,00	Đạt	
22	Trung Thị Duyên	05/08/1996	CNTT22	Quảng Hưng - Quảng Uyên - Cao Bằng	6,70	5,20	Đạt	
23	Lý Thị Duyên	23/9/1996	CNTT23	Tiến Thắng - Yên Thế - Bắc Giang	5,20	5,70	Đạt	
24	Nguyễn Thị Duyên	14/6/1996	CNTT24	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	6,00	5,00	Đạt	
25	Hoàng Văn Dũng	09/12/1997	CNTT25	Mậu Long - Yên - Minh - Hà Giang	5,20	3,50	Không đạt	
26	Đỗ Việt Dũng	12/8/1996	CNTT26	TT. Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	6,70	8,50	Đạt	
27	Dương Tùng Dương	11/4/1996	CNTT27	Hương Vĩ - Yên Thế - Bắc Giang	5,00	1,00	Không đạt	
28	Diệp Văn Dưỡng	02/01/1995	CNTT28	Tân Mộc - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,00	6,20	Đạt	
29	Nguyễn Văn Đạt	16/05/1993	CNTT29	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	3,70	-	Không đạt	bỏ thi TH
30	Phan Tiến Đạt	28/08/1996	CNTT30	Nhân Đạo - Lý Nhân - Hà Nam	7,50	9,50	Đạt	
31	Đoàn Thành Đạt	11/8/1995	CNTT31	Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng	4,70	-	Không đạt	bỏ thi TH
32	Nguyễn Tiến Đạt	03/10/1996	CNTT32	P. Đáp Cầu - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	-	0,50	Không đạt	bỏ thi TN
33	Nguyễn Văn Đạt	10/10/1995	CNTT33	Mai Đình - Hiệp Hoà - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
34	Bùi Văn Định	31/01/1990	CNTT34	Tân Lạc - Hoà Bình	6,50	7,00	Đạt	
35	Vi Văn Đốc	01/11/1995	CNTT35	Hộ Đáp - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,50	7,45	Đạt	
36	Trần Thế Đương	08/01/1981	CNTT36	Đồng Vương - Yên Thế - Bắc Giang	5,00	5,50	Đạt	
37	Lăng Thị Đường	29/7/1972	CNTT37	Tiến Thắng - Yên Thế - Bắc Giang	5,00	5,25	Đạt	
38	Nguyễn Hoàng Đức	15/6/1989	CNTT38	Nhã Nam - Tân Yên - Bắc Giang	4,00	-	Không đạt	bỏ thi TH
39	Dương Anh Đức	13/9/1997	CNTT39	P. Thọ Xương - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	6,00	5,50	Đạt	
40	Nông Thanh Giang	07/06/1995	CNTT40	Thông Huê - Trùng Khánh - Cao Bằng	8,50	5,50	Đạt	
41	Dương Thị Hương Giang	26/9/1991	CNTT41	Việt Yên - Bắc Giang	8,00	9,50	Đạt	
42	Lê Hoàng Giang	08/12/1995	CNTT42	Gia Sinh - Gia Viễn - Ninh Bình	6,50	6,25	Đạt	
43	Nguyễn Thị Thu Hà	07/9/1996	CNTT43	Yên Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	8,00	7,25	Đạt	
44	Chu Thị Hà	28/02/1997	CNTT44	Khu Cô Mễ - P. Vũ Ninh - TP. Bắc Ninh	7,70	6,25	Đạt	
45	Nguyễn Thị Hà	05/10/1995	CNTT45	Thôn 2 - An Hà - Lạng Giang - Bắc Giang	8,00	7,25	Đạt	
46	Trần Thị Hà	14/4/1995	CNTT46	Tân Mỹ - TP. Bắc Giang	9,00	8,50	Đạt	
47	Võ Thị Hà	21/09/1995	CNTT47	Hùng Sơn - Hiệp Hoà - Bắc Giang	7,00	7,75	Đạt	
48	Nguyễn Thị Hà	18/8/1992	CNTT48	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	4,50	0,00	Không đạt	
49	Nguyễn Hữu Hào	30/10/1970	CNTT49	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	8,70	8,00	Đạt	
50	Nguyễn Văn Hải	29/08/1997	CNTT50	Bắc Quang - Hà Giang	4,50	7,40	Không đạt	
51	Nguyễn Gia Hải	04/5/1996	CNTT51	107 - Nguyễn Gia Thiều - Suối Hoa - Bắc Ninh	4,20	6,00	Không đạt	
52	Bùi Thị Hà Hải	06/7/1994	CNTT52	Đoan Hùng - Hưng Hà - Thái Bình	6,50	6,00	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
53	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	25/09/1996	CNTT53	TT. Nông Trường - Mộc Châu - Sơn La	8,20	7,25	Đạt	
54	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	08/6/1996	CNTT54	Vị Xuyên - Hà Giang	5,50	6,00	Đạt	
55	Thân Thị Hồng Hiên	10/04/1997	CNTT55	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	5,50	5,50	Đạt	
56	Đặng Ngọc Hiên	05/9/1978	CNTT56	Tam Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	5,00	5,50	Đạt	
57	Nguyễn Thị Hiên	13/8/1997	CNTT57	Liên Chung - Tân Yên - Bắc Giang	8,50	8,00	Đạt	
58	Hoàng Trọng Hiếu	14/11/1996	CNTT58	TX. Buôn Hồ - Đắk Lắk	5,50	5,00	Đạt	
59	Ngô Duy Hiệp	30/10/1996	CNTT59	P. Minh Khai - TP. Hà Giang - Hà Giang	-	3,00	Không đạt	bỏ thi TN
60	Vũ Thị Hoài	25/5/1987	CNTT60	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7,70	6,00	Đạt	
61	Nguyễn Hữu Hoàng	01/10/1978	CNTT61	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	6,70	5,00	Đạt	
62	Dương Mạnh Hoàng	06/06/1995	CNTT62	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	9,00	7,50	Đạt	
63	Triệu Tiến Hoàng	25/9/1996	CNTT63	TX. Nghĩa Lộ - Yên Bái	8,00	7,90	Đạt	
64	Trần Văn Hồng	22/12/1981	CNTT64	Bố Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	8,00	5,00	Đạt	
65	Trương Thị Hồng	15/6/1993	CNTT65	Lương Phong - Hiệp Hoà - Bắc Giang	6,20	6,90	Đạt	
66	Nguyễn Thị Hội	19/7/1993	CNTT66	Khám Lạng - Lục Nam - Bắc Giang	3,50	1,75	Không đạt	
67	Nguyễn Thị Huân	11/4/1996	CNTT67	P. Khắc Niệm - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	7,00	1,50	Không đạt	
68	Chu Văn Huân	12/5/1994	CNTT68	An Lạc - Sơn Động - Bắc Giang	-	-	-	bỏ thi
69	Lê Phạm Huy	15/05/1995	CNTT69	Bình Minh - Tĩnh Gia - Thanh Hóa	6,70	5,05	Đạt	
70	Trần Văn Huy	23/4/1984	CNTT70	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	5,20	6,15	Đạt	
71	Nguyễn Văn Huy	01/8/1997	CNTT71	Bình Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	7,20	5,00	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
72	Lê Văn Huy	25/9/1996	CNTT72	P. Trần Phú - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu
73	Bùi Quang Huy	13/01/1996	CNTT73	Hồng Nam - TP. Hưng Yên - Hưng Yên	3,00	-	Không đạt	bỏ thi TH
74	Nguyễn Thị Huyền	17/03/1997	CNTT74	Ngọc Vân - Tân Yên - Bắc Giang	4,50	4,35	Không đạt	
75	Đặng Thị Khánh Huyền	10/6/1995	CNTT75	Trần Phú - Chương Mỹ - Hà Nội	8,20	5,00	Đạt	
76	Đinh Thị Huyền	28/4/1997	CNTT76	Mai Đình - Hiệp Hoà - Bắc Giang	6,20	5,55	Đạt	
77	Nguyễn Thị Thanh Huyền	04/5/1988	CNTT77	Việt Yên - Bắc Giang	8,20	7,65	Đạt	
78	Nguyễn Văn Hùng	20/01/1997	CNTT78	Hoàng Lương - Hiệp Hoà - Bắc Giang	3,70	-	Không đạt	bỏ thi TH
79	Nguyễn Văn Hùng	04/8/1965	CNTT79	An Thượng - Yên Thế - Bắc Giang	5,50	6,40	Đạt	
80	Nghiêm Xuân Hùng	13/12/1997	CNTT80	Đồng Tâm - Yên Thế - Bắc Giang	5,50	2,00	Không đạt	
81	Nguyễn Mạnh Hùng	03/06/1997	CNTT81	Tân Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	4,20	-	Không đạt	bỏ thi TH
82	Hà Văn Hưng	18/4/1995	CNTT82	Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang	6,00	3,20	Không đạt	
83	Thân Thị Hương	29/4/1993	CNTT83	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7,50	7,15	Đạt	
84	Dương Thu Hường	25/5/1996	CNTT84	Đại Yên - Chương Mỹ - Hà Nội	7,50	6,55	Đạt	
85	Phạm Thị Hường	06/12/1997	CNTT85	Thanh An - Điện Biên - Điện Biên	7,50	5,00	Đạt	
86	Nguyễn Thuý Hường	08/6/1997	CNTT86	P. Vũ Ninh - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,20	5,00	Đạt	
87	Đặng Duy Khang	13/08/1996	CNTT87	TT. Hữu Lũng - Hữu Lũng - Lạng Sơn	4,20	-	Không đạt	bỏ thi TH
88	Nguyễn Tiến Khang	04/9/1966	CNTT88	Cao Thượng - Tân Yên - Bắc Giang	5,00	6,55	Đạt	
89	Nguyễn Đức Khôi	06/10/1995	CNTT89	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,20	8,90	Đạt	
90	Đoàn Bá Khuê	21/4/1997	CNTT90	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	6,70	0,00	Không đạt	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
91	Trần Đăng Duy Khương	06/11/1996	CNTT91	TT. Cát Hải - Cát Hải - Hải Phòng	7,50	7,50	Đạt	
92	Văn Trung Kiên	08/10/1982	CNTT92	Thường Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang	7,50	7,15	Đạt	
93	Lục Mùi Lai	16/10/1994	CNTT93	Triệu Nguyên - Nguyên Bình - Cao Bằng	5,20	0,00	Không đạt	
94	Nông Thị Phương Lan	16/05/1996	CNTT94	Bằng Lang - Bắc Quang - Hà Giang	6,20	5,00	Đạt	
95	Kpă Lan	05/6/1996	CNTT95	Krông Pa - Gia Lai	7,70	7,30	Đạt	
96	Lê Tùng Lâm	17/8/1997	CNTT96	Văn Chấn - Yên Bái	6,20	8,30	Đạt	
97	Triệu Thị Liễu	19/01/1992	CNTT97	Đức Thông - Thạch An - Cao Bằng	6,50	5,00	Đạt	
98	Dương Thị Mỹ Linh	06/12/1997	CNTT98	TT. Hàng Trạm - Yên Thủy - Hoà Bình	7,50	7,25	Đạt	
99	Vy Thùy Linh	10/5/1996	CNTT99	TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	5,70	2,25	Không đạt	
100	Nguyễn Thị Hương Loan	27/12/1997	CNTT100	Phi Mô - Lạng Giang - Bắc Giang	7,50	5,80	Đạt	
101	Đinh Danh Long	19/10/1997	CNTT101	Chi Lăng - Hưng Hà - Thái Bình	7,20	8,00	Đạt	
102	Nguyễn Văn Lượng	26/02/1996	CNTT102	Song Vân Tân Yên - Bắc Giang	7,70	8,00	Đạt	
103	Phan Tuấn Lưu	17/09/1997	CNTT103	Quảng Uyên - Cao Bằng	4,00	4,30	Không đạt	
104	Nguyễn Thị Ngọc Lý	18/02/1994	CNTT104	Thanh Lâm - Lục Nam - Bắc Giang	7,20	5,50	Đạt	
105	Lê Thị Lý	15/10/1993	CNTT105	Nga Hưng - Nga Sơn - Thanh Hoá	6,50	8,50	Đạt	
106	Trịnh Thanh Mai	07/6/1991	CNTT106	Bố Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	8,70	9,00	Đạt	
107	Phạm Thị Thanh Mai	28/9/1995	CNTT107	Hiệp Hoà - Bắc Giang	7,70	5,00	Đạt	
108	Diêm Tuyết Mai	18/3/1977	CNTT108	Việt Yên - Bắc Giang	7,20	8,00	Đạt	
109	Đồng Văn Mạnh	22/8/1984	CNTT109	Tân Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang	8,00	8,00	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
110	Nguyễn Văn Minh	10/10/1966	CNTT110	Tam Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang	5,00	5,00	Đạt	
111	Trần Thị Mỹ	01/11/1996	CNTT111	Đồng Việt - Yên Dũng - Bắc Giang	6,20	8,30	Đạt	
112	Ngô Hoàng Nam	16/10/1993	CNTT112	P. Hà Khánh - TP. Hạ Long - Quảng Ninh	8,50	8,30	Đạt	
113	Ngô Thị Nga	02/11/1974	CNTT113	Tân Trung - Tân Yên - Bắc Giang	6,50	5,00	Đạt	
114	Lã Thị Ngọc	06/6/1994	CNTT114	Giao Thanh - Giao Thủy - Nam Định	7,70	8,75	Đạt	
115	Mùa A Ngọc	04/6/1995	CNTT115	Tà Xùa - Bắc Yên - Sơn La	-	2,75	Không đạt	bỏ thi TN
116	Triệu Thị Nhân	15/5/1984	CNTT116	Đồng Lạc - Yên Thế - Bắc Giang	7,70	7,00	Đạt	
117	Lê Thị Nhu	19/10/1995	CNTT117	Khánh Hà - Thường Tín - Hà Nội	7,70	7,00	Đạt	
118	Giáp Thị Nhung	27/9/1979	CNTT118	Đồng Lạc - Yên Thế - Bắc Giang	7,70	7,50	Đạt	
119	Lê Thị Nhung	19/03/1997	CNTT119	Thọ Lập - Thọ Xuân - Thanh Hoá	7,70	5,00	Đạt	
120	Thân Thị Nhung	12/10/1997	CNTT120	Tiền Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	7,20	5,00	Đạt	
121	Hoàng Thị Nỗi	04/09/1996	CNTT121	Bằng Lang - Bắc Quang - Hà Giang	8,50	5,00	Đạt	
122	Nguyễn Thị Phương	28/6/1992	CNTT122	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	6,50	5,00	Đạt	
123	Nguyễn Văn Phương	10/5/1982	CNTT123	Đồng Hưu - Yên Thế - Bắc Giang	8,00	6,75	Đạt	
124	Sầm Thị Phương	22/01/1982	CNTT124	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	5,20	7,75	Đạt	
125	Tạ Văn Quang	18/11/1997	CNTT125	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	5,20	7,25	Đạt	
126	Nguyễn Hồng Quảng	07/01/1982	CNTT126	Tân Trung - Tân Yên - Bắc Giang	5,00	7,00	Đạt	
127	Phạm Ngọc Quân	11/11/1993	CNTT127	P. Nguyễn Trãi - TP. Hà Giang - Hà Giang	8,70	9,00	Đạt	
128	Nguyễn Thị Quyên	20/6/1997	CNTT128	Vân Hà - Việt Yên - Bắc Giang	7,50	5,00	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
129	Dương Thời Quyết	06/12/1997	CNTT129	Bắc Sơn - Lạng Sơn	2,70	-	Không đạt	bỏ thi TH
130	Trần Văn Quyết	17/10/1995	CNTT130	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	7,70	5,00	Đạt	
131	Nguyễn Ngọc Quỳnh	27/12/1985	CNTT131	Trường Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	5,70	7,75	Đạt	
132	Bùi Thị Như Quỳnh	05/11/1997	CNTT132	Hồ Tùng Mậu - Ân Thi - Hưng Yên	8,00	7,25	Đạt	
133	Nguyễn Thị Quỳnh	18/08/1997	CNTT133	Ngọc Vân - Tân Yên - Bắc Giang	3,20	3,00	Không đạt	
134	Nguyễn Đình Quý	20/9/1963	CNTT134	Đồng Lạc - Yên Thế - Bắc Giang	5,70	7,25	Đạt	
135	Phạm Văn Quý	30/07/1995	CNTT135	Đông Sang - Mộc Châu - Sơn La	8,50	8,75	Đạt	
136	Nguyễn Văn Sinh	03/02/1971	CNTT136	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	5,20	5,75	Đạt	
137	Lưu Văn Sơn	24/01/1995	CNTT137	Gia Bình - Bắc Ninh	6,00	8,00	Đạt	
138	Nguyễn Văn Sơn	14/4/1996	CNTT138	Đoan Bái - Hiệp Hoà - Bắc Giang	8,50	5,00	Đạt	
139	Tạ Ngọc Sơn	08/09/1996	CNTT139	Dị Nậu - Tam Nông - Phú Thọ	8,20	8,00	Đạt	
140	Ngô Văn Sơn	24/10/1996	CNTT140	Nhân Lý - Chi Lăng - Lạng Sơn	4,20	3,00	Không đạt	
141	Hoàng Văn Sơn	11/6/1997	CNTT141	Vị Xuyên - Hà Giang	8,70	5,00	Đạt	
142	Nguyễn Trọng Sửu	26/10/1997	CNTT142	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	6,50	6,00	Đạt	
143	Cao Hữu Tài	08/07/1997	CNTT143	Đại Hà - Kiến Thụy - Hải Phòng	8,00	6,00	Đạt	
144	Hoàng Văn Tài	06/7/1997	CNTT144	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	6,70	5,00	Đạt	
145	Nguyễn Ngọc Thán	25/10/1996	CNTT145	Bảo Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	2,70	-	Không đạt	bỏ thi TH
146	Nguyễn Thị Thu Thảo	22/11/1996	CNTT146	Hà Tân - Hà Trung - Thanh Hóa	8,20	5,00	Đạt	
147	Nguyễn Thị Thảo	28/3/1996	CNTT147	An Thịnh - Lương Tài - Bắc Ninh	5,20	0,00	Không đạt	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
148	Bùi Quốc Thắng	11/4/1996	CNTT148	Ngọc Lý - Tân Yên - Bắc Giang	3,20	-	Không đạt	bỏ thi TH
149	Nguyễn Thị Thêm	02/6/1996	CNTT149	Xuân Hương - Lạng Giang - Bắc Giang	7,20	5,00	Đạt	
150	Nguyễn Ngọc Thịnh	20/11/1989	CNTT150	Hương Vỹ - Yên Thế - Bắc Giang	7,20	7,25	Đạt	
151	Nguyễn Thị Thoa	01/01/1996	CNTT151	Nhân Khang - Lý Nhân - Hà Nam	6,70	5,00	Đạt	
152	Phan Thị Thoan	12/10/1997	CNTT152	Bình Dương - Gia Bình - TP. Bắc Ninh	6,50	5,00	Đạt	
153	Vi Thuý Thơm	24/02/1984	CNTT153	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	6,50	5,75	Đạt	
154	Hoàng Thị Thu	05/06/1994	CNTT154	Đồng Nén - Biên Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,00	6,00	Đạt	
155	Lăng Minh Thuận	13/05/1996	CNTT155	Tràng Định - Lạng Sơn	6,20	5,00	Đạt	
156	Lê Công Thuận	19/5/1997	CNTT156	Gia Bình - Bắc Ninh	7,70	5,00	Đạt	
157	Phùng Thái Hòa	17/11/1996	CNTT157	P. Năng Tĩnh - TP. Nam Định	4,70	-	Không đạt	bỏ thi TH
158	Trần Thị Minh Thuý	14/01/1996	CNTT158	P. Trung Sơn - Tam Điệp - Ninh Bình	9,20	5,00	Đạt	
159	Nguyễn Thị Thuý	16/8/1997	CNTT159	Hoà Long - Bắc Ninh	4,50	-	Không đạt	bỏ thi TH
160	Đinh Thị Thuý	06/6/1996	CNTT160	Đồng Sơn - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	8,50	7,00	Đạt	
161	Bùi Đình Tiến	26/01/1995	CNTT161	Tân Long - Yên Sơn - Tuyên Quang	8,00	7,75	Đạt	
162	Dương Đình Trang	08/9/1967	CNTT162	Hồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	7,00	6,50	Đạt	
163	Nguyễn Thành Trung	05/6/1977	CNTT163	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	6,70	6,50	Đạt	
164	Vũ Đình Tuấn	06/11/1971	CNTT164	Lan Giới - Tân Yên - Bắc Giang	7,50	6,50	Đạt	
165	Tạ Văn Tùng	04/01/1996	CNTT165	Trí Yên - Yên Dũng - Bắc Giang	3,70	2,00	Không đạt	
166	Nguyễn Sơn Tùng	24/02/1996	CNTT166	TT. Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang	6,20	5,00	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
167	Hoàng Thị Uyên	21/8/1996	CNTT167	Đông Phú - Lục Nam - Bắc Giang	7,20	5,00	Đạt	
168	Đỗ Thị Thu Uyên	05/6/1996	CNTT168	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6,50	7,00	Đạt	
169	Bùi Đình Văn	21/3/1996	CNTT169	Tân Mộc - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,00	5,25	Đạt	
170	Nguyễn Thị Hồng Vân	13/9/1994	CNTT170	Minh Phú - Sóc Sơn - Hà Nội	7,70	5,75	Đạt	
171	Nguyễn Thị Vân	25/11/1996	CNTT171	Đại Xuân - Quế Võ - Bắc Ninh	7,20	5,00	Đạt	
172	Nguyễn Công Xuân	04/11/1996	CNTT172	TT. Hát Lót - Mai Sơn - Sơn La	7,50	8,25	Đạt	
173	Trịnh Hải Yên	29/3/1997	CNTT173	Vân Hà - Việt Yên - Bắc Giang	3,00	2,75	Không đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 173

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 02

Số thí sinh bỏ thi: 1

Số thí sinh dự thi: 170

Số thí sinh đạt yêu cầu: 130 (76,5%)

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 40 (23,5%)

Bắc Giang, ngày 22 tháng 5 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng thi

(Đã ký)

Ths. Đỗ Thị Huyền

Thư ký Hội đồng thi

(Đã ký)

Phan Văn Cường